

Phật giáo giáo dục nhân cách con người trong xã hội số

ISSN: 2734-9195 14:10 26/01/2026

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần một sự kết nối giữa trí tuệ số và trí tuệ tâm linh, để công nghệ không trở thành công cụ vô hồn, mà thực sự phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Tác giả: **TS Phạm Thu Trang (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Mở đầu

Trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc, con người luôn giữ vai trò trung tâm. Không chỉ là chủ thể của mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị - xã hội, con người còn là động lực và mục tiêu của sự phát triển bền vững. Trong đó, **nhân cách** - với tư cách là tổng hòa các phẩm chất đạo đức, ý thức xã hội, khả năng tư duy và hành vi ứng xử - trở thành yếu tố cốt lõi, định hình chất lượng nguồn nhân lực và nền tảng đạo lý của cộng đồng.

Tại **Việt Nam**, giáo dục nhân cách con người từ lâu đã là một trọng tâm trong truyền thống văn hóa - giáo dục, đặc biệt gắn liền với những giá trị nhân bản sâu sắc của dân tộc. Tuy nhiên, **trước sự phát triển nhanh chóng và toàn diện của quá trình chuyển đổi số**, con người - nhất là giới trẻ - đang đối diện với không ít thách thức: từ sự xói mòn của các chuẩn mực đạo đức truyền thống, khủng hoảng bản sắc cá nhân, cho đến lối sống vị kỷ, lệ thuộc vào công nghệ và thiếu kiểm soát cảm xúc trong môi trường mạng. Trong bối cảnh đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần khơi dậy và phát huy các hệ giá trị văn hóa - tinh thần truyền thống để định hướng lại nhân cách con người Việt Nam hiện đại.



Hình minh họa tạo bởi AI

Phật giáo, với lịch sử hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, không chỉ là một tôn giáo, mà còn là một hệ thống triết lý đạo đức - nhân văn sâu sắc, hướng con người đến sự tự chủ, tỉnh thức và sống có trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng. Giáo lý của đạo Phật không đặt nặng tín điều siêu hình, mà nhấn mạnh việc cải hóa tâm thức, tu dưỡng bản thân thông qua các nguyên lý như **giới - định - tuệ, nhân quả, vô ngã, từ bi**. Chính những nền tảng này đã góp phần quan trọng vào quá trình giáo dục và hình thành nhân cách của con người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trong thời đại công nghệ số hiện nay, Phật giáo Việt Nam tiếp tục thể hiện tinh thần nhập thế bằng cách thích nghi với các phương tiện truyền thông mới, mở rộng không gian tiếp cận giáo lý qua mạng xã hội, pháp thoại trực tuyến, khóa tu online... Điều đó cho thấy tiềm năng to lớn của Phật giáo trong việc tham gia trực tiếp vào công cuộc giáo dục nhân cách, góp phần xây dựng một thế hệ công dân số không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có chiều sâu tâm hồn, biết sống tử tế, hướng thiện và hài hòa với cộng đồng. Bài viết này tập trung phân tích **vai trò của Phật giáo đối với việc giáo dục nhân cách con người Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số**, làm rõ những giá trị mà Phật giáo có thể đóng góp, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò này trong thực tiễn hiện nay.

II. Nội dung

1. Cơ sở lý luận về giáo dục nhân cách trong Phật giáo

Thuật ngữ personality (nhân cách) xuất phát từ tiếng Latinh cổ là persona và tiếng Latinh Trung cổ là personalitas. Nghĩa gốc của từ này là mặt nạ, chỉ về bên ngoài của một cá nhân, nó bắt đầu từ Totem giáo và thái độ sùng bái tổ tiên của người nguyên thủy. Tuy nhiên, vì *nhân cách* là một khái niệm phức tạp, bao hàm rất nhiều lớp nghĩa, nghĩa ban đầu của từ không thể chuyển tải hết nội dung mà hiện nay khái niệm *nhân cách* thể hiện (cả đặc điểm bên trong và những phẩm chất cá nhân cũng như diện mạo bên ngoài của cá nhân), do đó, sau này, khái niệm nhân cách được mở rộng hơn. Đến nay, đã có nhiều định nghĩa khác nhau về nhân cách. Năm 1937, Allport đã thống kê 50 định nghĩa tiêu biểu. Hầu hết các định nghĩa hiện nay đều mang những sắc thái hoàn toàn khác so với nghĩa gốc ban đầu.

Ở nước ta, hiện cũng có nhiều cách hiểu khác nhau về nhân cách. Từ cách tiếp cận *hoạt động - giá trị*, tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “nhân cách của con người là hệ thống các thái độ của mỗi người thể hiện ở mức độ phù hợp giữa *thang giá trị và thước đo giá trị* của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của cộng đồng và xã hội, độ phù hợp càng cao nhân cách càng lớn” (2). Còn theo Lê Đức Phúc, để xác định nội hàm khái niệm nhân cách, cần chú ý tới ba tiền đề cơ bản của nhân cách là: tính độc đáo ít hay nhiều; tính tương đẳng theo nghĩa dù thay đổi cũng có thể nhận dạng được và tính đại diện cho những giá trị tốt hay xấu, còn có nghĩa là nhân phẩm hay chân giá trị thông qua hoạt động thực tế. Từ đây, ông cho rằng: “nhân cách là cấu tạo tâm lý phức hợp, bao gồm những thuộc tính tâm lý cá nhân, được hình thành và phát triển trong cuộc sống và hoạt động, tạo nên nhân diện và quy định *giá trị xã hội* của mỗi người” (3). Trong khi đó, Trần Trọng Thủy cho rằng, cần xem xét nhân cách là một hệ thống các đặc điểm có ý nghĩa xã hội, đặc trưng cho cá thể như là một con người của một xã hội hay một cộng đồng nhất định. Theo ông, “nhân cách là toàn bộ những đặc điểm, phẩm chất tâm lý quy định *giá trị xã hội* và hành vi xã hội của cá nhân”. Nhân cách của con người phải được phân tích và được đánh giá ở ba mức độ khác nhau: mức độ bên trong cá nhân, mức độ bên ngoài cá nhân, mức độ siêu cá nhân (4).

Đặc điểm chung của các định nghĩa này là có xu hướng đặt *giá trị xã hội* lên làm một thành tố, một bộ phận quan trọng để đánh giá và xác định nhân cách. Mức độ *giá trị xã hội* của nhân cách được đánh giá là quy định *tính chất xã hội* của nhân cách ấy.

Dưới góc độ của *tâm lý học nhân cách*, Nguyễn Ngọc Bích hiểu rằng: “nhân cách là hệ thống những phẩm giá xã hội của cá nhân thể hiện những phẩm chất bên trong của cá nhân, mối quan hệ qua lại giữa cá nhân đó với cá nhân khác, với tập thể, xã hội, với thế giới xung quanh và mối quan hệ của cá nhân với

công việc trong quá khứ, hiện tại và tương lai” (5).

Như vậy, nhìn chung các nhà nghiên cứu đều thống nhất quan niệm coi nhân cách không phải chỉ là toàn bộ các tính chất hoặc thuộc tính tâm lý của một cá nhân, mà nhân cách thường được hiểu là “*phẩm giá con người*”. Nói cách khác, khi vận dụng cho cá nhân thì nhân cách là “*giá trị xã hội của một con người có ý thức, bao gồm cả những phẩm chất tâm lý xã hội của người ấy và cả những giá trị mà hoạt động của người ấy tạo ra trong xã hội*” (6). Theo chúng tôi, nhân cách là tổng hòa toàn bộ những phẩm chất xã hội của cá nhân, thể hiện trình độ NGƯỜI của mỗi cá nhân trước hết về các mặt đạo đức, văn hóa, xã hội... Nhân cách biểu hiện gián tiếp hoặc trực tiếp trong và thông qua các mối quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Nhân cách được hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động và giao tiếp của con người với những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Trong bối cảnh Phật giáo, khái niệm nhân cách lại gắn chặt với con đường tu tập hướng tới chân - thiện - mỹ. Nói cách khác, một cá nhân Phật tử được khuyến khích tu dưỡng bản thân để đạt tới đời sống **chân thật, lương thiện** và tạo dựng vẻ đẹp tâm linh trong hành xử hàng ngày. Tư tưởng này tương đồng với tinh thần “*hướng thiện*” trong giáo lý Phật đà: thực hành giới luật và thiền định để chuyển hóa “*cái ta giả*” thành cái **vô ngã**, qua đó phát triển một nhân cách cao thượng, hài hòa với chân lý và lẽ phải (7). Theo quan điểm này, nhân cách gắn với vô ngã (tức xóa bỏ tham-sân-si) sẽ đem lại hạnh phúc và lợi ích lớn hơn cho bản thân người đó cũng như cho cộng đồng xung quanh.

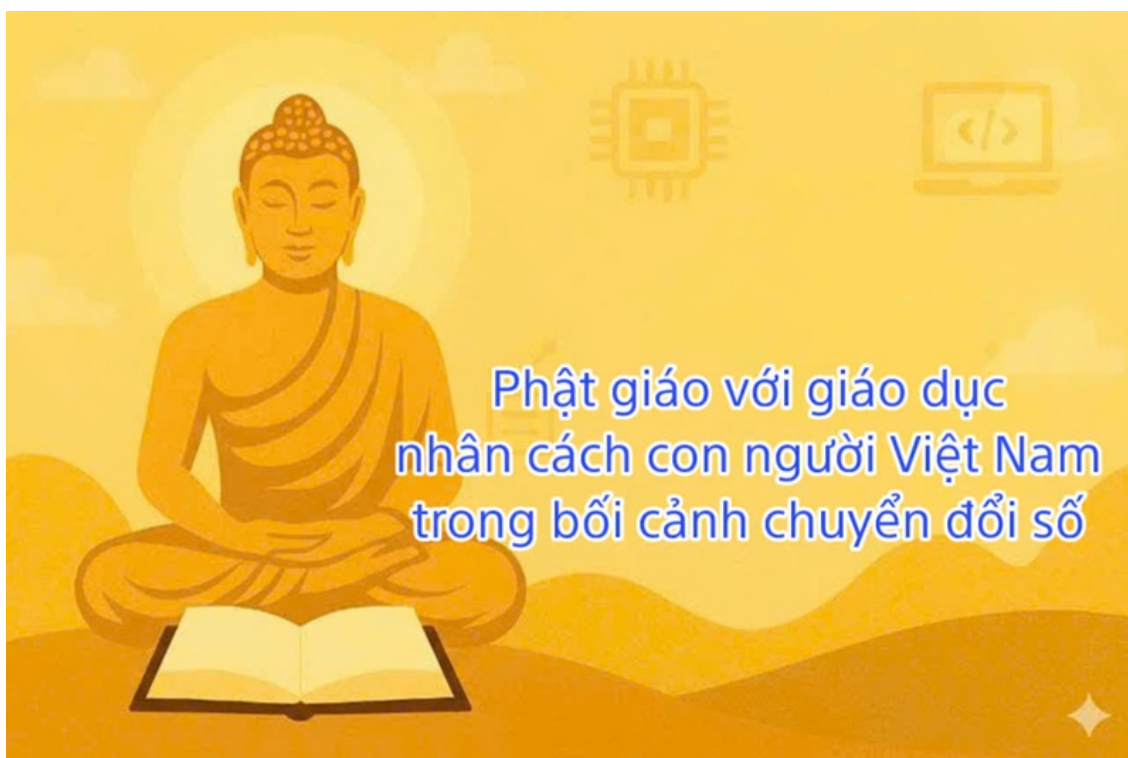
Trong triết lý Phật giáo, bản chất cuối cùng của con người là **vô ngã**, tức không có cái “*ngã*” cố hữu. Như luận giải của Phật giáo Duy thức học: “*cái chấp ngã*” chỉ là hoạt động của tâm vọng (Mạt-na nhìn vào A-lại-da chấp ngã là ta), chứ ngã thật sự không tồn tại (8). Do đó, con đường hoàn thiện nhân cách trong Phật giáo chính là **quá trình chuyển cái giả ngã thành vô ngã**. Ví dụ, việc thực hành niệm Phật, thiền định hay bố thí đều hướng con người buông bỏ tham ái, sân hận và chấp trước, từ đó khai phát trí tuệ minh sát để nhận ra vô thường và vô ngã của các pháp. Quan niệm này cũng liên quan đến triết lý “*chân - thiện - mỹ*”: tức ở trạng thái viên mãn, nhân cách Phật tử không chỉ công bằng, độ lượng (thiện) mà còn minh triết, chân thực (chân) và thể hiện được vẻ đẹp an lạc nội tâm (mỹ).

Phật giáo xem **con người là một hữu tình chịu tác động của nhân quả (nghiệp)**. Đức Phật từng dạy: “*Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp; nghiệp là thai tạng, là quyến thuộc, là điểm tựa*” (9). Nói cách khác, mỗi cá nhân sinh ra có sẵn kết quả từ các nghiệp

quá khứ, và đồng thời tự tạo nhân duyên mới trong hiện tại. Do vậy, con người vừa chịu trách nhiệm với nghiệp của mình, vừa có khả năng chuyển hóa nó bằng cách tu tập. Truyền thống Phật giáo nhấn mạnh rằng tuy mọi trạng thái tâm lý (thành tố ngũ uẩn) đều duyên khởi không có tự ngã, nhưng “nghiệp đã tạo ra nhân cách” - nhân cách của một người chính là tổng hợp các chủng tử thiện - ác do người đó tự gieo trồng. Như vậy, cá tính và lối sống tích cực hay tiêu cực của mỗi người đều có thể thay đổi khi nghiệp (tập khí) được chuyển hóa qua tu học.

Để rèn luyện nhân cách, Phật giáo đề cao **giới - định - tuệ**. Theo giáo pháp, quá trình tu hành phát triển tuần tự từ thấp đến cao: *Giới* (hành trì các giới luật) là nền tảng đầu tiên, rồi đến *Định* (rèn luyện an trú tâm qua thiền định), cuối cùng phát huy *Tuệ* (trí tuệ giải thoát) để hoàn tất con đường giải thoát. Kinh Ganaka Moggallāna (Anguttara Nikāya) ghi lại lời Phật phân tích trình tự này: “Giới là nền tảng đầu tiên..., định và tuệ lần lượt theo sau và cuối cùng tuệ là để hoàn tất đạo lộ” (10). Như vậy, giáo dục nhân cách trong Phật giáo không chỉ là việc học lý thuyết, mà thực chất là quá trình tu dưỡng thân-đạo-ý (thân, khẩu, ý) theo những khuôn mẫu đạo đức cụ thể. Trên bình diện đạo đức cơ bản, Phật giáo đặc biệt khuyến khích tuân thủ **ngũ giới** và thực hành **thập thiện nghiệp**.

Năm điều cấm dành cho phật tử tại gia là: (1) không sát sinh, (2) không trộm cắp, (3) không tà dâm, (4) không nói dối, (5) không uống rượu. Những giới luật này giúp con người **sống an vui, hạnh phúc** và giữ cho thân tâm không bị phiền não, tội lỗi xâm hại. Chư Tăng Ni và cư sĩ đều được khuyến khích giữ năm giới như “chuẩn mực nền tảng đạo đức”, vì đó chính là phương tiện hàng đầu để rèn luyện lòng từ bi và trí tuệ. Theo một phân tích của Tạp chí Nghiên cứu Phật học, “triết lý Phật giáo” khẳng định: “Con người nên tuân giữ 5 giới để làm cho cuộc sống không bị tổn hại..., chúng cần thiết để hình thành xã hội dân chủ, cuộc sống an lành” (11).



Hình minh họa tạo bởi AI

Thập thiện nghiệp là các hành vi thiện trong thân, khẩu, ý được Phật giáo quy định. Cụ thể gồm ba thiện nghiệp thân (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm), bốn thiện nghiệp khẩu (không nói dối, không nói lời chia rẽ, không nói lời nặng lời, không nói vô ích), và ba thiện nghiệp ý (không tham lam, không sân hận, không si mê). Thực hành thập thiện nghiệp là cách chuyển hóa nghiệp ác thành nghiệp thiện, giúp xây dựng nền tảng nhân cách biết yêu thương và sống có trách nhiệm. Bên cạnh đó, Phật giáo còn đề cập đến **thập nhị nhân duyên** và lý thuyết A-lại-da như nền tảng giải thích sự hình thành tâm thức. Theo đó, việc tu học phải đối trị trực tiếp với **tam độc** (tham, sân, si) và huấn luyện để phát triển “vô tham, vô sân, vô si” - tức bản chất vô ngã của tâm. Thực hành **lục độ Bồ-tát**: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ vì vậy được xem là “phương pháp rèn luyện nhân cách tuyệt vời”, giúp giải quyết căn bệnh nhân cách (những hành vi, tâm lý lệch lạc) từ cội gốc.

Mục tiêu tối hậu của giáo dục nhân cách theo Phật giáo là hướng dẫn con người sống **thiện lành, từ bi và vị tha**. Thông qua giáo lý nhân quả và biện chứng nhân duyên, Phật giáo khuyến khích mỗi người phát triển trí tuệ để nhận rõ bản chất vô thường, vô ngã của vạn hữu, từ đó diệt trừ các tham sân si. Mục đích của nền giáo dục này không chỉ là kiến thức hàn lâm, mà sâu xa là giáo dục lòng từ bi và trí tuệ. Theo Hòa thượng Minh Chân (2012), phương châm giáo dục Phật giáo là **“Duy tuệ thị nghiệp”** (chỉ có trí tuệ là sự nghiệp duy nhất), đồng thời cũng là mục tiêu của giáo dục Phật giáo; tức phải phát triển trí tuệ như “ngọn đuốc soi đường” dẫn đến sự thành tựu giải thoát. (12)

Giáo dục Phật giáo còn chú trọng bồi dưỡng những phẩm chất cao quý như **lòng yêu thương, nhân ái và bác ái**. Giáo dục Phật giáo rất giàu giá trị nhân bản vì nó giúp mỗi người có hai phẩm chất nổi bật là **từ bi và trí tuệ**; tư tưởng từ bi, hỷ xả của Phật giáo hướng con người đến việc xây dựng nếp sống trong sáng, lành mạnh với tinh thần hướng thiện đích thực. Từ đó, người học Phật được khích lệ “thương yêu và không làm hại” cả chính mình lẫn người khác. Thực tế, giữ giới luật không sát sinh - một biểu hiện của lòng từ bi - “giúp tôn trọng sự sống” và dập tắt mầm mống bạo lực, tạo nên xã hội hòa bình.

Kết quả của quá trình giáo dục nhân cách Phật giáo là một nhân cách **vô ngã**, vừa tỉnh giác vừa bao dung. Nhân cách càng hướng về vô ngã (giải thoát chấp ngã) càng mang lại an lạc cho bản thân và cho cộng đồng. Giáo dục của Phật giáo hướng học viên đạt được sự “thành tựu trọn vẹn đạo quả” (giải thoát khổ đau), đồng thời trở thành người có khả năng phụng sự xã hội một cách có trách nhiệm. Vì vậy, trong mọi bối cảnh - gia đình, trường học hay xã hội - việc giáo dục nhân cách theo tinh thần Phật giáo nhằm **nuôi dưỡng tình yêu thương, trí tuệ và lối sống không hại**, coi đó là sứ mệnh tối cao của việc dạy người, dạy đời.

2. Những thách thức về nhân cách trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1 Chuyển đổi số và sự thay đổi trong môi trường sống - học tập - giao tiếp

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với những thành tựu nổi bật của trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), mạng xã hội và thực tế ảo (VR/AR) đã tạo ra sự biến đổi sâu sắc trong đời sống con người. Môi trường sống, học tập và giao tiếp không còn giới hạn trong không gian vật chất, mà mở rộng sang không gian số. Với một cú nhấp chuột, cá nhân có thể tham gia lớp học trực tuyến, kết nối với hàng nghìn người ở khắp nơi trên thế giới, tiếp nhận và phát tán thông tin trong tích tắc. Tuy nhiên, chính sự phát triển này lại làm mờ đi ranh giới giữa “thực” và “ảo”. Trong thế giới ảo, con người dễ dàng hóa thân vào những vai trò khác nhau, tạo dựng “cái tôi” khác với đời sống thực. Điều này vừa mở ra cơ hội thể hiện bản thân, vừa tiềm ẩn nguy cơ đánh mất sự chân thực trong nhân cách. Ở Việt Nam, không ít bạn trẻ dành phần lớn thời gian trong ngày để lướt mạng xã hội, trò chuyện với “người bạn ảo” hơn là đối thoại trực tiếp với người thân, bạn bè ngoài đời. Điều này dần làm suy giảm năng lực giao tiếp xã hội, vốn là một yếu tố quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách.



Hình minh họa tạo bởi AI

Mặt khác, môi trường số chứa đựng vô vàn thông tin đa chiều, trong đó có cả những luồng thông tin độc hại, sai lệch. Con người, đặc biệt là giới trẻ, dễ bị lôi cuốn, dẫn dắt bởi các trào lưu thiếu lành mạnh, các quan điểm cực đoan, hoặc những hình mẫu nhân vật nổi tiếng nhưng lại cổ súy lối sống vị kỷ, thực dụng, đề cao vật chất. Điều này làm gia tăng nguy cơ sa vào sự vô cảm, thờ ơ với các giá trị đạo đức truyền thống, thậm chí lệch chuẩn trong hành vi.

Trong tư tưởng Phật giáo, con người được nhắc nhở phải luôn tỉnh thức (chánh niệm) để nhận diện thực tại, không để tâm trí bị cuốn theo vọng tưởng hay những ảo ảnh của thế giới bên ngoài. Nhưng trong môi trường số hiện nay, trạng thái “mất chánh niệm” xảy ra thường xuyên, khi cá nhân dành quá nhiều sự chú ý cho các tương tác ảo mà quên đi sự hiện diện thực của mình và người xung quanh. Đây chính là thách thức lớn cho sự gìn giữ và phát triển nhân cách trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.2 Biểu hiện suy giảm nhân cách trong giới trẻ

Sự bùng nổ của internet và mạng xã hội mang lại nhiều lợi ích cho học tập và giải trí, nhưng đồng thời cũng để lại những hệ lụy tiêu cực rõ rệt trong đời sống tinh thần và nhân cách giới trẻ. Một mặt, tình trạng bạo lực mạng ngày càng phổ biến. Các hành vi như chửi bới, công kích, lăng mạ, bôi nhọ danh dự người khác xuất hiện tràn lan trên các nền tảng trực tuyến. Điều đáng lo ngại là nhiều bạn trẻ coi đó là “chuyện bình thường”, thể hiện “cá tính” hoặc tìm kiếm sự chú ý từ cộng đồng mạng. Đây là biểu hiện rõ ràng của sự suy thoái trong chuẩn mực ứng xử, phản ánh sự thiếu tôn trọng người khác và thiếu ý thức trách nhiệm đối với lời nói, hành động của bản thân. Mặt khác, nghiện internet và

game online trở thành vấn đề nhức nhối. Nhiều học sinh, sinh viên sa vào thế giới ảo, bỏ bê học tập, sức khỏe và các mối quan hệ xã hội. Không ít trường hợp ở Việt Nam ghi nhận tình trạng mất kiểm soát, thậm chí xảy ra các vụ việc bạo lực gia đình, trộm cắp chỉ vì nghiện game. Đây không chỉ là hệ quả của công nghệ mà còn là biểu hiện của sự suy giảm năng lực tự chủ - một phẩm chất cốt lõi của nhân cách.

Nhiều người trẻ rơi vào trạng thái thiếu trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. Trên mạng xã hội, họ dễ chia sẻ, phát tán thông tin sai sự thật mà không kiểm chứng, gây hoang mang dư luận. Ngoài đời, có bạn trẻ không quan tâm đến việc giữ gìn môi trường, ứng xử nơi công cộng, hay thậm chí thờ ơ với nỗi đau, khó khăn của người khác. Tình trạng này phần nào phản ánh sự đứt gãy trong mối liên hệ giữa cá nhân và cộng đồng - một nền tảng quan trọng của đạo đức xã hội. Nhìn dưới lăng kính triết học, nhân cách con người được hình thành từ sự thống nhất giữa ý thức, tình cảm và hành vi. Khi giới trẻ mất đi sự cân bằng này - có kiến thức nhưng thiếu cảm xúc nhân văn, có hành vi nhưng không gắn với trách nhiệm - thì nhân cách sẽ trở nên méo mó. Quan điểm Phật giáo cũng nhấn mạnh đến “giới - định - tuệ” như ba trụ cột của đời sống lành mạnh. Việc lạm dụng môi trường số mà không có định hướng đúng đắn khiến “giới” bị xem nhẹ, “định” bị phá vỡ và “tuệ” không phát triển. Đây chính là gốc rễ của sự suy giảm nhân cách.

2.3 Khoảng trống trong giáo dục đạo đức - tinh thần

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự khủng hoảng nhân cách trong bối cảnh chuyển đổi số chính là khoảng trống trong giáo dục đạo đức và tinh thần. Trong nhiều năm qua, nền giáo dục Việt Nam có xu hướng chạy theo thành tích, đặt nặng kiến thức hàn lâm và kỹ năng nghề nghiệp, trong khi việc giáo dục giá trị sống, nhân cách, đạo đức chưa được quan tâm đúng mức. Học sinh được học cách giải toán, viết văn, lập trình máy tính, nhưng ít được hướng dẫn cách sống tử tế, cách đối diện với cảm xúc, hay cách ứng xử trước cám dỗ và nghịch cảnh. Hệ quả là, khi bước vào môi trường số đầy biến động, giới trẻ thiếu “vaccine tinh thần” để tự bảo vệ mình trước những cám dỗ và nguy cơ lệch chuẩn. Hơn nữa, trong dòng chảy của hiện đại hóa và toàn cầu hóa, tôn giáo, triết học và văn hóa truyền thống - vốn là những nguồn lực tinh thần quý báu - lại bị coi nhẹ trong giáo dục. Không ít học sinh, sinh viên thậm chí xa lạ với ca dao, tục ngữ, với những triết lý sống giản dị mà sâu sắc của cha ông, hay với những lời dạy nhân ái của Phật giáo, Nho giáo. Khi mất đi sự neo đậu tinh thần này, giới trẻ dễ bị cuốn theo lối sống thực dụng, coi trọng vật chất và thành công cá nhân hơn là trách nhiệm xã hội và ý nghĩa cuộc sống. Thực tế

cho thấy, nhiều nước phát triển đã chú trọng đưa các môn học về triết học, tôn giáo, kỹ năng sống và tư duy phản biện vào chương trình giáo dục để bồi dưỡng nhân cách toàn diện. Trong khi đó, ở Việt Nam, các môn học như Triết học, Giáo dục công dân, hay Lịch sử, Văn hóa thường bị coi là môn phụ, ít được học sinh quan tâm. Đây chính là “lỗ hổng” khiến giáo dục khó phát huy vai trò định hướng giá trị sống trong kỷ nguyên số.

Từ góc nhìn Phật giáo, việc nuôi dưỡng nhân cách không chỉ là trang bị kiến thức mà còn phải bồi dưỡng lòng từ bi, tinh thần vô ngã và trí tuệ. Trong môi trường chuyển đổi số, nếu chỉ tập trung vào phát triển kỹ năng nghề nghiệp mà thiếu đi sự tu dưỡng đạo đức và tinh thần, con người sẽ trở thành “cỗ máy biết làm việc” chứ chưa phải là “con người toàn diện”. Vì vậy, việc tái khẳng định vai trò của giáo dục đạo đức - tinh thần là nhiệm vụ cấp thiết để đối diện với thách thức nhân cách trong thời đại mới.

Những thách thức về nhân cách trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay không chỉ đến từ sự thay đổi của môi trường sống, học tập, giao tiếp, mà còn thể hiện rõ trong sự suy giảm nhân cách của giới trẻ và những khoảng trống trong giáo dục đạo đức - tinh thần. Đây là vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của gia đình, nhà trường, xã hội và bản thân mỗi cá nhân. Quan điểm Phật giáo với tinh thần chánh niệm, từ bi và trí tuệ có thể trở thành kim chỉ nam quan trọng, giúp con người giữ vững bản chất nhân văn và phát triển nhân cách bền vững trong thời đại số.

3. Vai trò của Phật giáo đối với việc giáo dục nhân cách trong bối cảnh chuyển đổi số

3.1 Vai trò định hướng giá trị sống và nhân cách bền vững

Trong bối cảnh chuyển đổi số, con người phải đối diện với những khủng hoảng về bản sắc và giá trị sống. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo vừa mở ra cơ hội phát triển, vừa đặt ra những thách thức đối với nhân cách, khi con người dễ bị cuốn vào thế giới ảo, đánh mất sự tự chủ và xa rời các giá trị đạo đức truyền thống. Trước thực trạng đó, Phật giáo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng giá trị sống và xây dựng nhân cách bền vững cho con người hiện đại, đặc biệt là thế hệ trẻ. Phật giáo cung cấp một hệ thống giá trị nhân văn sâu sắc, được xây dựng trên nền tảng từ bi, trí tuệ và tinh thần vô ngã. Những giá trị này giúp con người nhận diện rõ đâu là điều thiện - ác, đúng - sai trong hành vi và lối sống, từ đó có cơ sở để đối diện

với những khủng hoảng bản sắc trong môi trường số. Chẳng hạn, khi bị cuốn vào vòng xoáy của “cái tôi ảo” trên mạng xã hội, tinh thần vô ngã trong Phật giáo nhắc nhở cá nhân không nên đồng nhất giá trị bản thân với những hào nhoáng bề ngoài hay lượt “like”, “share”, mà cần quay về với con người thực của chính mình, hướng đến sự an lạc và hạnh phúc chân thật.



Hình minh họa tạo bởi AI

Bên cạnh đó, Phật giáo đặc biệt coi trọng việc giáo dục nhân cách thông qua con đường **giới - định - tuệ**. Đây là ba trụ cột tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển cá nhân trong cả đời sống tinh thần và xã hội. **Giới** giúp con người tuân thủ các chuẩn mực đạo đức, biết tiết chế hành vi, tránh xa những hành động gây hại cho bản thân và cộng đồng. Trong môi trường số, tinh thần giữ giới có ý nghĩa to lớn: không phát tán tin giả, không tham gia bạo lực mạng, không để mình sa đọa vào các thói quen xấu như nghiện game hay lệ thuộc vào công nghệ. **Định** rèn luyện khả năng tập trung và kiểm soát tâm trí. Thực tập chánh niệm - một hình thức của định - giúp con người tăng cường khả năng tự nhận thức, không bị cuốn trôi bởi dòng thông tin hỗn loạn của thế giới số. Nhờ vậy, cá nhân giữ được sự tĩnh tại nội tâm, biết lựa chọn điều gì thực sự quan trọng và ý nghĩa. **Tuệ** là trí tuệ sáng suốt, giúp con người nhìn thấu bản chất vô thường của đời sống và tránh được sự mê lầm. Trong bối cảnh số, tuệ chính là năng lực tư duy phản biện, phân biệt đúng sai, thật - giả, từ đó sống có trách nhiệm và định hướng hành vi theo các giá trị nhân văn. Giáo dục giới - định - tuệ không chỉ giúp con người nâng cao khả năng tự nhận thức và tự kiểm soát, mà còn góp phần hình thành nhân cách bền vững, biết sống trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và môi trường. Có thể nói, Phật giáo với hệ thống giá trị sâu sắc và phương pháp tu dưỡng toàn diện đã và đang là một trong những nguồn lực tinh thần quan trọng để đối diện với những khủng hoảng nhân cách

trong thời đại chuyển đổi số. Việc vận dụng tinh thần Phật giáo vào giáo dục nhân cách sẽ giúp thế hệ trẻ không chỉ thích ứng với công nghệ mà còn giữ được sự cân bằng giữa đời sống ảo và đời sống thực, hướng tới sự phát triển toàn diện cả về tri thức lẫn tâm hồn.

3.2 Vai trò nuôi dưỡng tinh thần từ bi - trách nhiệm xã hội

Một trong những thách thức lớn nhất của con người trong bối cảnh chuyển đổi số là sự gia tăng lối sống vị kỷ, vô cảm và thiếu gắn kết cộng đồng. Mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo hay thực tế ảo giúp con người kết nối nhanh chóng, nhưng lại dễ khiến cá nhân rơi vào trạng thái cô đơn, chỉ quan tâm đến “cái tôi” thay vì quan tâm đến người khác. Tình trạng bạo lực mạng, tin giả, sự thờ ơ với nỗi đau của đồng loại cho thấy một khoảng trống lớn về trách nhiệm xã hội. Trong bối cảnh đó, Phật giáo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng tinh thần **từ bi** và nâng cao **trách nhiệm cộng đồng**. Tinh thần từ bi của Phật giáo được hiểu là tình thương rộng lớn, không phân biệt thân - sơ, ta - người. Từ bi không chỉ dừng lại ở lòng thương cảm mà còn thúc đẩy hành động thiết thực nhằm giảm bớt khổ đau cho người khác. Khi được đưa vào giáo dục nhân cách, từ bi giúp giới trẻ phát triển năng lực đồng cảm, biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, qua đó hạn chế các hành vi tiêu cực như công kích, bắt nạt trên mạng hay thờ ơ với vấn đề xã hội. Trong môi trường số, nơi mà sự ẩn danh dễ khiến con người vô cảm, tinh thần từ bi trở thành “liều thuốc giải độc”, nhắc nhở mỗi cá nhân rằng phía sau màn hình luôn là những con người thật với cảm xúc và tổn thương thật.

Song song với từ bi, Phật giáo cũng nhấn mạnh đến **trách nhiệm xã hội** như một phần của sự tu dưỡng nhân cách. Theo quan điểm nhân quả, mọi hành động đều để lại hệ quả cho bản thân và cộng đồng. Khi thấu hiểu điều này, con người sẽ ý thức hơn trong việc chia sẻ thông tin, phát ngôn, hay hành xử trên không gian mạng. Chẳng hạn, việc phát tán một tin giả có thể gây ra khủng hoảng tâm lý cho xã hội; hay một lời bình luận ác ý có thể làm tổn thương sâu sắc người khác. Tinh thần trách nhiệm xã hội trong Phật giáo khuyến khích mỗi cá nhân hành động trên cơ sở lợi ích chung, lấy thiện lành làm kim chỉ nam. Ở Việt Nam, nhiều ngôi chùa và tổ chức Phật giáo đã triển khai các chương trình giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, và hoạt động thiện nguyện cho thanh thiếu niên. Những chương trình này không chỉ dạy giới trẻ cách giữ giới, rèn định, khai mở trí tuệ, mà còn hướng họ tới tinh thần sẻ chia, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, những hoạt động này càng có ý nghĩa, bởi chúng bổ sung những giá trị tinh thần mà nền giáo dục hiện đại còn thiếu. Từ

góc độ giáo dục, việc lồng ghép tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội của Phật giáo vào chương trình đào tạo sẽ góp phần cân bằng giữa tri thức kỹ năng và giá trị sống - đạo đức. Giới trẻ không chỉ học để thành công nghề nghiệp, mà còn học để trở thành con người tốt, biết quan tâm và cống hiến cho cộng đồng. Đây chính là nhân cách bền vững, giúp họ không bị cuốn trôi bởi dòng xoáy công nghệ, mà vẫn giữ được trái tim nhân hậu và tinh thần phụng sự xã hội. Như vậy, Phật giáo không chỉ mang lại hệ thống giá trị định hướng cá nhân, mà còn nuôi dưỡng một đời sống tinh thần giàu từ bi và trách nhiệm xã hội. Đó chính là nền tảng thiết yếu để xây dựng nhân cách toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi số, khi con người cần vừa làm chủ công nghệ, vừa giữ vững sự gắn bó nhân văn với đồng loại và thế giới xung quanh.

3.3 Vai trò xây dựng sự cân bằng nội tâm và phát triển trí tuệ số

Một trong những hệ quả rõ rệt của chuyển đổi số là con người thường xuyên bị quá tải thông tin. Hàng ngày, mỗi cá nhân phải đối diện với vô số dữ liệu, hình ảnh, video, tin tức, khiến tâm trí dễ rơi vào tình trạng phân tán, căng thẳng, lo âu. Nhiều bạn trẻ cho biết họ khó tập trung học tập, dễ mất ngủ, thậm chí rơi vào khủng hoảng tinh thần vì áp lực từ thế giới số. Trong bối cảnh đó, Phật giáo với những phương pháp tu tập đặc thù như thiền định, chánh niệm có thể trở thành nền tảng quan trọng để giúp con người xây dựng **sự cân bằng nội tâm** và phát triển một dạng **trí tuệ số** phù hợp. Trước hết, Phật giáo nhấn mạnh đến thực hành **thiền định và chánh niệm** như con đường giữ tâm an tĩnh giữa dòng đời biến động. Thiền không phải là sự thoát ly thế giới, mà là khả năng quay về quan sát chính mình, nhận diện những suy nghĩ, cảm xúc, từ đó điều chỉnh thái độ sống. Trong môi trường số, khi con người dễ bị cuốn trôi bởi mạng xã hội, game online hay những tin tức giật gân, chánh niệm giúp họ dừng lại, chọn lọc và tiếp nhận thông tin một cách tỉnh thức. Nhờ vậy, thay vì phản ứng bốc đồng, cá nhân có thể hành xử điềm tĩnh, sáng suốt, góp phần duy trì sự cân bằng tâm lý và hạn chế căng thẳng.

Bên cạnh sự cân bằng nội tâm, Phật giáo còn góp phần phát triển **trí tuệ số** - tức là năng lực nhận diện, phân tích và sử dụng công nghệ theo hướng tích cực và có trách nhiệm. Trí tuệ trong Phật giáo không chỉ dừng lại ở tri thức, mà còn là cái nhìn sâu sắc vào bản chất sự vật, hiểu rõ quy luật nhân quả, vô thường. Áp dụng vào bối cảnh số, điều này có nghĩa là cá nhân cần phát triển tư duy phản biện, biết phân biệt thật - giả, có lợi - có hại trong dòng chảy thông tin, đồng thời ý thức được hậu quả lâu dài của những hành vi trực tuyến. Ví dụ, khi chia sẻ một bài viết, người dùng phải tự hỏi: “Thông tin này có chính xác

không? Nó mang lại lợi ích hay tổn hại cho cộng đồng?” - đó chính là biểu hiện của trí tuệ gắn với trách nhiệm xã hội. Không chỉ dừng ở mức độ cá nhân, sự cân bằng nội tâm và trí tuệ số còn mang ý nghĩa cộng đồng. Một xã hội mà các thành viên biết thực tập chánh niệm, biết kiểm soát hành vi trực tuyến và chọn lọc thông tin sẽ hạn chế đáng kể tình trạng bạo lực mạng, tin giả và sự cực đoan. Nói cách khác, sự tu dưỡng tinh thần theo tinh thần Phật giáo có thể góp phần xây dựng một **văn hóa số lành mạnh**, nơi công nghệ trở thành công cụ phục vụ hạnh phúc chứ không làm gia tăng bất an.

Ở Việt Nam, nhiều cơ sở Phật giáo đã triển khai các khóa học thiền và chánh niệm cho học sinh, sinh viên, cán bộ công chức. Thực tế cho thấy, những người tham gia thường có khả năng tập trung tốt hơn, giảm căng thẳng, ứng xử nhân văn hơn cả trong đời sống thực lẫn trên không gian mạng. Đây chính là minh chứng rõ ràng về vai trò của Phật giáo trong việc giúp con người giữ cân bằng và phát triển trí tuệ trong thời đại số. Tóm lại, Phật giáo không chỉ cung cấp nền tảng giá trị sống, nuôi dưỡng từ bi và trách nhiệm xã hội, mà còn trao cho con người phương pháp thực hành cụ thể để xây dựng sự an lạc nội tâm và trí tuệ số. Nhờ vậy, con người có thể thích ứng với sự biến động của công nghệ, sống hài hòa trong cả thế giới thực và ảo, đồng thời phát triển nhân cách bền vững, toàn diện.

III. Kết luận

Trong thời đại chuyển đổi số, khi công nghệ và trí tuệ nhân tạo len lỏi vào mọi ngóc ngách của đời sống, con người không chỉ đứng trước những cơ hội phát triển to lớn mà còn đối diện với nhiều thách thức nghiêm trọng về nhân cách. Thực trạng bạo lực mạng, lối sống vị kỷ, sự sa sút tinh thần trách nhiệm cho thấy nguy cơ khủng hoảng giá trị sống trong xã hội hiện đại. Trong bối cảnh đó, Phật giáo - với kho tàng triết lý đạo đức, nhân văn và vị tha - có thể trở thành một nền tảng vững chắc cho giáo dục con người Việt Nam. Các giá trị cốt lõi như từ bi, vô ngã, trí tuệ cùng phương pháp tu dưỡng giới - định - tuệ giúp cá nhân biết sống tỉnh thức, có trách nhiệm, vừa làm chủ bản thân vừa hòa nhập hài hòa với cộng đồng. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần một sự kết nối giữa **trí tuệ số** và **trí tuệ tâm linh**, để công nghệ không trở thành công cụ vô hồn, mà thực sự phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội. Giáo dục trong thời đại mới không chỉ hướng đến đào tạo những con người giỏi về tri thức, kỹ năng, mà còn phải nuôi dưỡng tâm hồn nhân ái, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình và đất nước. Đó chính là con đường để xây dựng một xã hội phát triển toàn diện, nơi con người vừa thông minh, sáng tạo, vừa từ bi, nhân văn - một xã hội thấm đượm tinh thần trí tuệ và tình thương, hài hòa giữa hiện đại và truyền

thống.

Tác giả: **TS Phạm Thu Trang**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Khoa Triết học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.
- 2) Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (chủ biên, 2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 24
- 3) Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (chủ biên, 2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 74-76
- 4) Dẫn theo Đào Thị Oanh (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, NXB Giáo dục, tr.147
- 5) Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách: Một số vấn đề lý luận*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.223
- 6) Phạm Hoàng Gia (1986), “Vấn đề nhân cách”, *Tạp chí Triết học* (04), tr. 113.
- 7) Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Thị Diệp Nga, “Đạo Phật và giáo dục nhân cách trong trường học”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, Số tháng 1 năm 2022
- 8) Dẫn theo Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Thị Diệp Nga, “Đạo Phật và giáo dục nhân cách trong trường học”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, Số tháng 1 năm 2022
- 9) Minh Chính tổng hợp, Thừa tự của nghiệp, Nguồn <https://phatgiao.org.vn/thua-tu-cua-nghiep-d38276.html>
- 10) Thích Trung Định, Phương pháp giáo dục qua tam vô lậu học, Nguồn <https://thuvienhoasen.org/a28962/phuong-phap-giao-duc-qua-tam-vo-lau-hoc>
- 11) Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Thị Diệp Nga, “Đạo Phật và giáo dục nhân cách trong trường học”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, Số tháng 1 năm 2022
- 12) Minh Chân, Giáo dục và giáo dục Phật giáo: Bản chất và giá trị, Nguồn: <https://thuvienhoasen.org/a16651/giao-duc-va-giao-duc-phat-giao-ban-chat-va-gia-tri-minh-chan>

Tài liệu tham khảo:

- 1] Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách: Một số vấn đề lý luận*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- 2] Minh Chân, Giáo dục và giáo dục Phật giáo: Bản chất và giá trị, Nguồn: [https:// thuvienhoasen.org/a16651/giao-duc-va-giao-duc-phat-giao-ban-chat-va-gia-tri-minh-chan](https://thuvienhoasen.org/a16651/giao-duc-va-giao-duc-phat-giao-ban-chat-va-gia-tri-minh-chan)
- 3] Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Thị Diệp Nga, “Đạo Phật và giáo dục nhân cách trong trường học”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, Số tháng 1 năm 2022
- 4] Thích Trung Định, Phương pháp giáo dục qua tam vô lậu học, Nguồn [https:// thuvienhoasen.org/a28962/phuong-phap-giao-duc-qua-tam-vo-lau-hoc](https://thuvienhoasen.org/a28962/phuong-phap-giao-duc-qua-tam-vo-lau-hoc)